

Thứ tư, ngày 29 tháng 11 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/11/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 11/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tiếp tục tăng hơn 7 điểm trong ngày hôm nay và kết phiên tại mốc 1,102.80. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng hôm nay, theo sau là ngành Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index có 1 phiên tăng điểm tương đối tốt khi vượt mốc 1,100 điểm và đường SMA20 tuy nhiên thanh khoản chưa có nhiều cải thiện. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể sẽ tiếp tục chịu áp lực chốt lời khi đang ở ngưỡng 1,100 và vùng 1,095 – 1,105 sẽ cần quan sát trong diễn biến hiện tại

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/11/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+7.37** điểm, đóng cửa **1102.8** điểm. HNX-Index **+2.64** điểm, đóng cửa **227.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **PLX (+0.7)**, **MSN (+0.58)**, **BID (+0.57)**, **VHM (+0.49)**, **GAS (+0.46)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.96)**, **VPB (-0.2)**, **LGC (-0.17)**, **STB (-0.16)**, **BCM (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,523** tỷ đồng, giảm **-4.37%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **12,622** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **8.95** điểm. Thị trường có **383** mã tăng, **97** mã tham chiếu, **122** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-103.1** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-121.71 tỷ)**, **FUESSVFL (-100.46 tỷ)**, **STB (-48.3 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **77.56** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.23%**. Các mã diễn biến tích cực: **PLX (+6.23%)**, **PVS (+4.84%)**, **PVD (+4.58%)**
- BSC50 **+1.19%**. Các mã diễn biến tích cực: **PC1 (+5.48%)**, **NVL (+3.72%)**, **CTR (+3.54%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Dầu khí	5.80%	Bất động sản	0.81%
Bán lẻ	2.06%	Công nghệ Thông tin	0.66%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.33%	Du lịch và Giải trí	0.28%
Thực phẩm và đồ uống	1.22%	Bảo hiểm	0.15%
Hóa chất	1.19%	Ngân hàng	-0.02%
Tài nguyên Cơ bản	1.10%	Ô tô và phụ tùng	-0.89%
Dịch vụ tài chính	1.10%	Truyền thông	-1.02%
Điện, nước & xăng dầu khí	1.04%	VNMID	1.28%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.01%	VNSML	0.76%
Y tế	0.91%	VN30	0.43%
Xây dựng và Vật liệu	0.83%		

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1102.80**
Giá trị: 11523.47 tỷ **7.37 (0.67%)**
Khối ngoại (ròng): -103.1 tỷ

HNX-INDEX **227.03**
Giá trị: 1609.5 tỷ **2.64 (1.18%)**
Khối ngoại (ròng): 77.56 tỷ

UPCOM-INDEX **85.04**
Giá trị: 348 tỷ **0.39 (0.46%)**
Khối ngoại (ròng): -5.11 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	81.5	1.91%
Giá vàng	2,041	1.37%
Tỷ giá USD/VND	24,247	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,662	-0.05%
Tỷ giá JPY/VND	164.51	-0.21%
LS liên NH 1 tháng	1.10%	
LS TPCP 5 năm	1.93%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCI	87.45	MWG	-121.71
PLX	43.05	FUESSVFL	-100.46
SAB	29.66	STB	-48.30
HPG	29.08	DIG	-27.50
VND	27.45	VCB	-25.38

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 29/11/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	76.49	2.17%	-1.65%	-6.36%	-2.29%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	81.50	1.91%	-1.15%	-5.61%	-3.25%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.23	2.42%	-0.05%	0.71%	-2.47%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.79	-5.21%	-6.70%	-22.19%	-60.58%		
TTF Gas	EUR/MWh	42.77	-2.75%	-2.93%	-15.38%	-67.67%		
Vàng	Ounce	2,041.30	1.37%	2.15%	2.28%	16.66%		PNJ
Bạc	Ounce	25.01	1.60%	5.40%	7.31%	17.66%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,346.75	1.28%	-2.21%	4.99%	-7.73%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.13	-0.12%	0.06%	1.60%	-18.58%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	144.70	-0.55%	-1.83%	-0.21%	13.49%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	26.99	-0.77%	-2.74%	0.90%	38.20%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	387.00	0.00%	0.00%	-7.31%	-27.66%		DPM, DCM
Niken	LB	15,843.00	0.00%	-5.44%	-13.27%	-40.76%		PC1
Đồng	LB	3.81	1.41%	-0.04%	4.17%	4.71%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,400.00	0.84%	9.59%	-5.88%	-9.09%		CSV
Thép	CNY/ton	3,918.00	-0.66%	-2.51%	5.69%	3.76%		HPG
Nhôm	Ton	2,222.00	0.52%	-1.62%	-1.96%	-6.62%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent giao sau tăng 1.91%, lên 81.50 USD/thùng. Dầu thô West Texas Intermediate (WTI) của Mỹ tăng 2.17%, chốt ở 76.49 USD.
- Giá dầu tăng vọt 2% trong bối cảnh khả năng OPEC+ sẽ gia hạn hoặc cắt hơn nguồn cung, sản lượng dầu của Kazakhstan giảm do bão và đồng đô la Mỹ yếu hơn.

Giá vàng

- Giá vàng tăng 1.37% lên 2,041.30 USD/ounce, cao nhất kể từ ngày 10/5/2023. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2023 tăng 1.4% lên 2,040 USD.
- Giá vàng tăng phiên thứ tư liên tiếp và đạt mức cao nhất trong hơn 6 tháng, được thúc đẩy bởi đồng đô la giảm giá và kỳ vọng rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã hoàn thành việc tăng lãi suất.

Quặng sắt

- Quặng sắt giao tháng 1/2024 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên Trung Quốc giảm mạnh nhất trong hơn một tháng và giảm 2.6% xuống 951 nhân dân tệ (132.96 USD)/tấn khi đóng cửa. Trên sàn giao dịch Singapore, quặng sắt kỳ hạn tháng 12 giảm 3.2% xuống 132.69 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn Đại Liên chạm mức thấp nhất trong một tuần khi chính phủ Trung Quốc tiếp tục theo dõi giá và can thiệp vào thị trường để kiềm chế đà tăng giá.

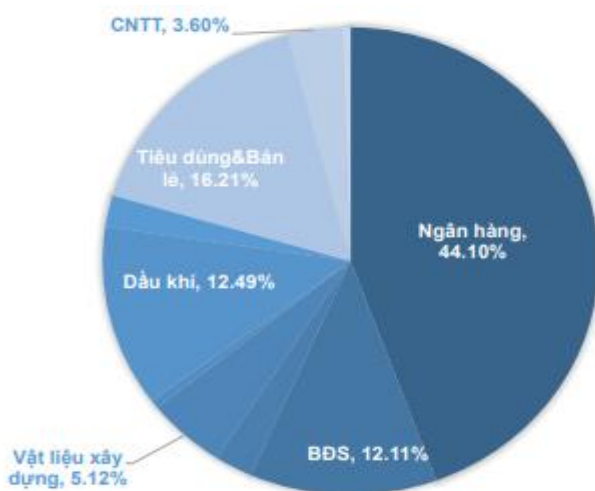
Giá hàng hóa khác

- Lúa mì tại kỳ hạn tháng 3/2024 kết thúc phiên tăng 11 cent lên 5.72 USD/bushel.
- Giá đậu tương kỳ hạn tại Chicago tăng hơn 1% do lo ngại thời tiết thiếu ẩm ở Nam Mỹ đang gây thiệt hại cho mùa màng, và hoạt động bán ra của các nhà xuất khẩu Mỹ. Giá lúa mì tại Chicago cũng tăng hơn 2% trong khi ngô giảm do nguồn cung nặng nề.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	85.1	-0.8%	1.0	19,630	2.6	5,797	14.7	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	39.3	1.2%	0.7	9,246	1.3	4,025	9.8	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	-0.5%	1.0	6,303	4.4	1,727	11.1	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	29.9	-0.2%	1.5	4,347	2.2	5,059	5.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	17.8	0.0%	1.3	3,841	4.0	3,496	5.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.8	-1.2%	0.9	2,163	13.8	3,600	7.7	31,200	24.4%	Link
GVR	BDS KCN	19.8	1.3%	1.6	3,277	1.1	714	27.8	19,100	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	31.0	0.0%	1.6	982	7.4	4,368	7.1	42,500	20.3%	Link
IDC	BDS KCN	48.7	0.4%	1.4	663	2.7	3,969	12.3	45,900	11.1%	Link
VGC	BDS KCN	52.8	1.3%	1.7	977	1.3	2,651	19.9	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.0	1.1%	1.7	6,480	25.1	(328)	-82.3	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	41.2	1.1%	1.5	7,404	7.2	10,341	4.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BDS	23.2	1.8%	1.3	2,176	3.9	1,588	14.6	38,900	32.1%	Link
KDH	BDS	31.6	0.8%	1.7	1,041	1.0	1,280	24.6	44,100	38.9%	Link
NLG	BDS	37.3	0.3%	1.3	591	2.3	1,582	23.6	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	95.8	1.6%	1.5	1,502	8.5	10,728	8.9	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	32.6	0.9%	0.9	526	1.3	6,403	5.1	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	31.6	1.1%	1.2	689	2.9	4,286	7.4	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	77.8	1.0%	0.7	7,375	1.9	5,567	14.0	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	35.8	6.2%	1.0	1,877	4.6	2,125	16.8	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	39.0	4.8%	1.2	769	18.9	1,953	20.0	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.6	4.6%	1.3	655	12.9	449	63.6	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.3	0.0%	0.8	1,092	1.7	602	18.8	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	68.4	-0.1%	0.6	5,900	3.6	3,935	17.4	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	62.9	2.6%	1.4	3,714	4.1	916	68.7	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	38.8	2.1%	1.6	2,342	13.6	1,069	36.3	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.9	1.0%	0.7	1,082	1.9	5,503	14.5	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	68.3	0.0%	0.8	527	0.8	7,080	9.6	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	70.0	3.7%	0.6	884	2.0	7,470	9.4	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	91.7	0.7%	0.7	4,806	3.0	4,573	20.1	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.4	0.30%	0.9	5,831	3.1	3,664	8.0	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.7%	0.9	3,535	4.4	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.0	0.0%	0.8	2,155	5.2	2,765	6.5	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.2	1.3%	0.8	1,604	3.3	1,410	10.8	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.8	0.5%	1.3	1,968	1.4	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.0	1.2%	1.9	1,058	15.2	467	45.1	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.8	0.6%	1.1	1,531	1.7	2,697	6.2	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.6	0.6%	1.4	1,955	15.9	1,090	29.0	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	17.1	1.5%	1.9	225	4.3	318	53.8	6.9	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.6	0.0%	1.7	0	0.3	445	26.0	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	61.9	0.0%	1.5	254	2.7	681	90.8	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.4	0.7%	1.4	245	2.7	919	15.7	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	0.8%	2.0	94	1.3	482	24.9	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	58.2	-0.5%	0.7	2,486	0.6	418	139.3	3.4	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.5	1.0%	1.3	718	2.0	56	345.1	4.8	2.0%	1.3%
PHR	KCN	46.8	1.0%	1.2	262	0.2	6,568	7.1	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	42.8	-1.0%	1.6	212	3.0	1,405	30.5	3.2	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	21.8	2.1%	1.9	553	10.5	(2,105)	-10.3	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	11.8	1.7%	1.3	187	0.1	176	67.4	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	22.9	0.4%	2.0	249	15.8	(2,655)	-8.6	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.1	-0.7%	0.7	160	0.1	5,309	10.9	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.2	1.2%	1.7	79	0.8	1,482	17.0	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	18.1	3.7%	1.9	1,457	26.3	(295)	-61.3	0.9	3.8%	1.9%
DXG	BDS	19.9	0.8%	2.6	501	9.0	(317)	-62.8	0.9	18.5%	3.4%
HDC	BDS	33.2	1.5%	1.5	185	3.4	2,190	15.2	2.4	2.0%	16.9%
DIG	BDS	25.0	2.2%	2.4	630	15.8	152	164.5	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.4	1.1%	1.7	140	0.4	1,597	8.4	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	19.0	2.2%	1.5	0	5.0	1,596	11.9	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.0	1.8%	0.7	347	6.6	2,993	8.7	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.3	1.3%	1.3	101	0.1	1,353	22.4	1.9	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.2	0.7%	0.9	114	0.1	1,980	11.7	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	57.6	0.7%	0.8	972	0.4	6,445	8.9	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.9	1.9%	1.7	770	11.7	384	57.0	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.1	-0.4%	0.6	286	0.2	2,560	9.4	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.6	0.5%	1.5	349	0.7	2,739	10.1	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.0	5.5%	1.5	346	3.4	944	28.5	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	1.9%	0.7	186	0.2	636	20.8	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.6	1.3%	2.5	190	1.5	(79)	-109.7	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	66.2	2.0%	0.5	3,504	2.1	3,518	18.8	3.5	62.3%	18.7%
QNS	F&B	45.8	0.4%	0.5	0	0.3	4,965	9.2	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	99.8	1.0%	1.0	561	0.9	(327)	-304.9	8.5	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	51.5	3.5%	2.0	355	2.3	2,984	17.3	3.9	23.6%	21.9%
DBC	F&B	24.2	2.5%	1.8	242	6.4	551	43.9	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.0	2.5%	2.2	110	0.6	837	29.9	1.4	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.6	1.6%	0.4	151	3.1	1,225	20.9	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.6	1.0%	1.5	162	1.2	2,162	13.7	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	27.8	-0.4%	0.6	153	0.8	1,370	20.3	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	36.1	0.3%	1.0	157	3.9	5,742	6.3	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	90.7	3.5%	1.1	428	2.2	4,238	21.4	6.3	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	18.5	1.1%	1.1	87	0.6	2,353	7.9	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

